

CÁC DẠNG TÍNH LƯỢC CHỦ NGỮ THƯỜNG GẶP TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC CỦA NAM CAO, VŨ TRỌNG PHỤNG, NGUYỄN CÔNG HOAN, NGUYỄN HUY THIỆP, NGUYỄN NGỌC TƯ

Đào Thị Minh Ngọc
Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội
Email:daothiminhngoc@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/10/2021

Ngày PB đánh giá: 10/11/2021

Ngày duyệt đăng: 12/11/2021

TÓM TẮT: Bài viết này trình bày những dạng thức khác nhau của hiện tượng tính lược chủ ngữ trong một số tác phẩm văn học của các tác giả: Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư. Từ kết quả thu được, bài viết giúp cho sinh viên chuyên ngành Ngữ văn hiểu thêm về phép tính lược, đồng thời có thêm cơ sở để hiểu sâu tác phẩm của những nhà văn kể tên. Từ khóa: tính lược chủ ngữ, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư.

ELLIPSIS IN THE LITERARY WORKS BY NAM CAO, VU TRONG PHUNG, NGUYEN CONG HOAN, NGUYEN HUY THIEP AND NGUYEN NGOC TU

ABSTRACT: The article presents different forms of subject ellipsis appearing in some literary works written by these following authors: Nam Cao, Vu Trong Phung, Nguyen Cong Hoan, Nguyen Huy Thiep, Nguyen Ngoc Tu. As a result, it will help the students majoring in literature to understand deeply the works of the above-named authors.

Keyword: Ellipsis, Nam Cao, Vu Trong Phung, Nguyen Cong Hoan, Nguyen Huy Thiep, Nguyen Ngoc Tu

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn bản nói chung và các tác phẩm văn học nói riêng không phải là một phép cộng đơn thuần của các phát ngôn. Giữa các phát ngôn trong văn bản luôn tồn tại những sợi dây liên hệ chặt chẽ gắn chúng lại với nhau để thực hiện chức năng giao tiếp. Những sợi dây đó là biểu hiện của phép liên kết. Trong các phép liên kết, người viết thường dùng phép tính lược (hay còn gọi là rút gọn lâm thời). Để hiểu sâu hơn về phép liên kết này, chúng tôi đã khảo sát hiện tượng tính lược chủ ngữ

thông qua các tác phẩm văn học của một số tác giả tiêu biểu trong nền văn học Việt Nam.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm liên quan hiện tượng tính lược chủ ngữ

2.1.1. Câu và ngữ trực thuộc

Trong ngôn ngữ, chúng ta có phép tính lược ở nhiều cấp độ: từ và cụm từ, phát ngôn, văn bản (chuỗi phát ngôn). Ở đây, chúng tôi chỉ xét tới cấp độ văn bản tức là phép tính lược giữa các phát ngôn với nhau. Phép tính lược văn bản là một dạng tính lược xảy ra

giữa các phát ngôn, là sự lược bỏ lâm thời các yếu tố mà người đọc có thể hiểu được nhờ mối liên hệ giữa phát ngôn trong phạm vi một ngữ cảnh xác định (ngữ cảnh cần và đủ). Như vậy, hiện tượng tỉnh lược văn bản chỉ có thể thực hiện trong điều kiện một văn bản liên kết có ít nhất từ 2 phát ngôn trở lên, trong đó phát ngôn đứng làm tiền đề, làm xuất phát điểm cho sự liên kết, có khả năng độc lập trong văn bản gọi là chủ ngôn, còn phát ngôn liên kết với chủ ngôn được gọi là kết ngôn (còn gọi là lược ngôn - phát ngôn bị tỉnh lược).

Một phát ngôn được gọi là câu sẽ có cả tính vị ngữ và tính tình thái. Còn những phát ngôn chưa có cấu trúc hoàn chỉnh, phụ thuộc vào phát ngôn khác chính là các ngữ đoạn trực thuộc, gọi là *ngữ trực thuộc*. Đặt trong hệ thống phân loại phát ngôn theo sự hoàn chỉnh về cấu trúc thì ngữ trực thuộc không phải là những câu đặc biệt hay những trường hợp ngoại lệ. Ngữ trực thuộc tỉnh lược nói chung và ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ nói riêng là một loại phát ngôn riêng biệt tồn tại bên cạnh câu.

2.1.2. Tỉnh lược

Tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập, trật tự từ giữ vai trò quan trọng trong việc thể

hiện các phạm trù ngữ pháp nên các dạng thể hiện của phép tỉnh lược rất đa dạng, khó quan sát, nhiều khi phải kết hợp nhiều bình diện để phân tích. Do đó, chúng ta có thể hiểu “phép tỉnh lược văn bản là một dạng tỉnh lược xảy ra giữa các phát ngôn, là sự lược bỏ lâm thời các yếu tố mà người đọc có thể hiểu được nhờ mối liên hệ giữa phát ngôn trong phạm vi một ngữ cảnh xác định (ngữ cảnh cần và đủ)”. [5,55]

2.2. Các dạng thể hiện của tỉnh lược chủ ngữ

Khi nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy ba dạng biểu hiện ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ (tiêu chí phân loại là chức năng của ngữ đoạn đóng vai trò liên kết với các chủ ngữ):

- Ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một động từ (động ngữ)
- Ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một tính từ (tính ngữ)
- Ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một danh từ (danh ngữ)

Qua quá trình khảo sát, chúng tôi đã thống kê được số lượng và tần số phân bố của các dạng tỉnh lược chủ ngữ trong tác phẩm của 5 nhà văn như sau: Mỗi tác giả thống kê trong bao nhiêu tác phẩm?

Bảng 1: Số lượng dạng thể hiện tỉnh lược chủ ngữ qua các tác phẩm văn học

STT	Tác giả	Dạng thể hiện tỉnh lược chủ ngữ		
		Động từ (Động ngữ)	Tính từ (Động ngữ)	Danh từ (Danh ngữ)
1	Nam Cao	556	62	12
2	Nguyễn Công Hoan	155	3	3
3	Vũ Trọng Phụng	178	14	3
4	Nguyễn Huy Thiệp	131	9	8
5	Nguyễn Ngọc Tư	58	13	3
Tổng		1078	101	29

Bảng 2: Tần số phân bố dạng thể hiện tính lược chủ ngữ qua các tác phẩm văn học

STT	Tác giả	Tần số phân bố dạng thể hiện tính lược chủ ngữ		
		Động từ (Động ngữ)	Tính từ (Động ngữ)	Danh từ (Danh ngữ)
1	Nam Cao	51.54	61.4	41.3
2	Nguyễn Công Hoan	14.4	3.0	10.3
3	Vũ Trọng Phụng	16.51	13.9	10.3
4	Nguyễn Huy Thiệp	12.15	9.0	27.6
5	Nguyễn Ngọc Tư	5.4	12.7	10.5

2.2.1. Ngữ trực thuộc tính lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một động từ (động ngữ)

Trong tiếng Việt, động từ là một trong hai loại từ cơ bản. Xuất phát từ bản chất ngữ nghĩa và ngữ pháp, trong hoạt động của ngữ lưu, động từ có một khả năng kết hợp đa dạng. Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy tính lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một động từ (động ngữ) thường xuất hiện trong các trường hợp sau:

2.2.1.1. Chủ ngữ là người tiếp nhận câu nói trong câu mệnh lệnh

(1) - *Tôi sợ tôi yếu hơn nó.*

- *Ø Im! Ø Khỏe lên!*

(Nguyễn Công Hoan)

2.2.1.2. Chủ ngữ là cái chung, phổ biến

(2) *Dân ta cực khổ... Ø Phải lấy lý lẽ văn chương và sự công bằng pháp luật hướng đạo dân mình.*

(Nguyễn Huy Thiệp)

2.2.1.3. Ngữ trực thuộc tính lược chủ ngữ chứa “có thể, cần, nên, phải, hãy”

(3) a. *Ø Mở hàng! Ø Phải đánh mở hàng!*

(Vũ Trọng Phụng)

b. *Ø Hãy để thằng Lan qua tuổi mười ba là tuổi ma bắt. Ø Hãy biết sợ rùng.*

(Nguyễn Huy Thiệp)

2.2.1.4. Ngữ trực thuộc là lời cầu chúc, cầu mong, lời chào

(4) *Ø Mời ông vào trong này. Ø Chúng tôi đợi mãi. Ø Mời ông vào thưởng trăng.*

(Nam Cao)

2.2.1.5. Ngữ trực thuộc dùng khi nói một mình

(5) - *Ồm dậy, tôi về quê, hành lý chỉ vồn vện có một cái valy đựng toàn những sách. Ø Ôi những quyển sách rất nặng nịu.*

- *Ø Còn cái ông Đật nữa! Ø Đi đâu mà đi mãi thế? Ý đáng Ø lại lần sang nhà bác Vụ. Ø Còn sang làm gì thế?*

(Nam Cao)

Theo lý thuyết hội thoại, lời dẫn thoại gồm có thoại dẫn trực tiếp và thoại dẫn gián tiếp. Một thoại dẫn gián tiếp chỉ có một trung tâm chỉ xuất: tình huống nói năng đang diễn ra của người dẫn thoại. Như vậy, xét ví dụ (a) chúng ta thấy phát ngôn thứ nhất “Còn cái ông Đật nữa” có giá trị thoại dẫn cho các phát ngôn tính lược sau. Phát ngôn có cấu trúc là một câu tồn tại, dù đã bị tính lược nhưng vẫn có khả năng làm tiền đề cho sự phát triển mạch logic của sự tình. Trong luân phiên lượt lời của người tham thoại, ở đây, một đặc điểm chúng ta nhận ra là tính ngắn gọn, đủ ý, không rườm

rà. Đây là cơ sở quan trọng cho phép hiện tượng tỉnh lược được phát huy hiệu quả của nó ở các phát ngôn.

2.2.2. Ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một tính từ (tính ngữ)

Tính từ là từ loại có vị trí quan trọng trong các thực từ tiếng Việt, sau danh từ và động từ. Bản chất ngữ pháp của tính từ được đặc trưng bởi một chùm chức vụ cú pháp là làm vị ngữ và định ngữ. Khi tính từ giữ vai trò là vị ngữ thì chúng ta nhận thấy nó xa danh từ và gần với động từ, trực tiếp làm vị ngữ giống động từ. Còn ở cương vị định ngữ, chúng ta thấy việc thu hẹp khả năng làm định ngữ cho danh từ và việc mở rộng khả năng làm định ngữ cho động từ là nét nổi bật của tính từ Việt về mặt chức vụ cú pháp. Từ chức năng đó, tính từ góp phần tạo nên hiện tượng tỉnh lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một tính ngữ.

(6) *Họ cậu vếu. Ø Vật vã. Ø Rên xiết.*

(Nguyễn Ngọc Tư)

(7) *Những người chung xóm nó, những anh em đồng nghiệp nó ít lâu nay đã cải tên của nó, đã gọi nó là thằng Hai Què. Ø Thằng què! Ø Ôi, đau đớn!*

(Vũ Trọng Phụng)

Ở ví dụ (6), cả hai phát ngôn tiếp theo có giá trị bổ sung và minh họa thêm cho phát ngôn đứng đầu. Nó cho người đọc hình dung đầy đủ hơn trạng thái của nhân vật từ “bầu vếu - vật vã - rên xiết”. Và cũng chính cách sử dụng phép tỉnh lược với mối quan hệ 1:2 đã tạo ra giọng văn gấp gáp, liên tục.

Ở ví dụ (7), phát ngôn tỉnh lược tính ngữ có giá trị thuyết minh bằng cách lặp lại (thận trọng), nhấn mạnh, mở rộng nghĩa (thận trọng chẳng bao giờ thừa). Đồng thời xen giữa chủ ngữ và lược ngữ là một

phát ngôn có tính chất dẫn thoại gián tiếp nối kết chúng đồng thời nó là một thông điệp có ý nghĩa cảnh báo.

Từ việc khảo sát cho thấy ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ có dạng biểu hiện là một tính từ (tính ngữ) được sử dụng và có giá trị đúng khi chủ thể của nó là một danh từ ở phát ngôn trước mà đồng nhất với nó cả chức năng cú pháp lẫn ngữ nghĩa.

2.2.3. Ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ mà dạng thể hiện là một danh từ (danh ngữ)

2.2.3.1. Lược ngữ không tỉnh lược hệ từ “là”

Việc danh từ làm vị ngữ ở trong câu luôn có sự hỗ trợ của hệ từ “là” (hoặc trợ động từ) vốn là đặc điểm của ngôn ngữ. Trong nghiên cứu ngữ nghĩa, cấu trúc sâu - cấu trúc biểu thị quan hệ đồng nhất được thể hiện qua kiểu mệnh đề Danh - là - Danh. Như vậy hệ từ “là” giống như một gạch nối để liên kết giữa chủ thể và đặc trưng của chủ thể. Cấu trúc theo quan hệ đồng nhất, theo chúng tôi là sự tương đồng hay đồng nhất về những thuộc tính, đặc trưng nào đó giữa các sự vật, hiện tượng hoặc những cách gọi khác nhau của cùng một sự vật, hiện tượng. Trong cấu trúc này, các danh từ đi sau hệ từ “là” được coi là trung tâm của vị ngữ.

(8) Ông là người cha nghiêm khắc của lũ con ích kỉ, đần độn. Ø Là người chồng đáng kính của các bà vợ tâm thường....

(Nguyễn Huy Thiệp)

(9) - Ông nên đi tàu thủy. Năm hào với năm xu màn là năm hào rưỡi. Vậy cho rằng có phải trả tiền cước bốn cái ghế thì cũng chỉ bằng tiền tàu hỏa thôi. Mà rỗng rãi. Ông để hai cái ghế ra, một cái ghế để ngồi, một

cái gác chân, ung dung như ngồi nhà ông vậy. Tội gì đi tàu hỏa mà chen chúc.

Kể thì Ø cũng là một ý hay.

(Nam Cao)

Ví dụ (9) là một hình thức diễn đạt khác của ngữ trực thuộc tỉnh lược chủ ngữ. Yếu tố bị lược trong phát ngôn “Kể thì Ø cũng là một ý hay” là chủ ngữ ẩn. Ngữ trực thuộc này có dạng “là + danh ngữ”. Để tìm ra chủ ngữ của phát ngôn, chúng ta phải tiến hành thao tác xác lập mối liên hệ giữa chủ ngữ và lược ngôn thông qua phép thế đại từ. “Đó” ở đây thay thế cho toàn bộ đoạn văn vừa được minh họa qua 7 phát ngôn trước nó. Cấu trúc của nó là: “Đó + là + danh ngữ”.

2.2.3.2. Lược ngữ tỉnh lược hệ từ “là”

Từ việc phân tích ví dụ ở 2.3.1, chúng ta thấy được vị trí, vai trò của hệ từ “là”. Nó có quan hệ chặt chẽ, không thể bị lược bỏ trong mô hình cấu trúc Danh - là - Danh. Tuy nhiên một số ít chúng tôi đã khảo sát, tác giả nhận thấy hệ từ này vẫn có thể bị xóa bỏ.

(10)

a. Anh biết chắc chắn sẽ có nhiều đoạn thành công. Ø Cảnh hội làng.... Ø Cảnh đám ma.... Ø Có khi cả cảnh Xuân Hương “sáng tác”...

b. Ý nghĩ con khi đực sẽ là con môi bắm lấy ông Diêu tức thì. Ø Cái thằng bố trọc ấy! Ø Đồ phong tình phóng đảng! Ø Vị gia trưởng cộc cằn! Ø Nhà lập pháp bản thủ. Ø Tên bạo chúa khốn nạn!

(Nguyễn Huy Thiệp)

(11) Mà bọn cô đầu thì ác quá. Họ cậ có quần áo đẹp, tóc uốn quăn. Họ cứ nhìn cái đầu thợ nhà quê xén vụng của tôi mà cười. Huống chi lại còn có bao nhiêu khách của ông H.nữa. Ø Toàn những phú thương cả.

(Nam Cao)

Như vậy vấn đề không phải có hay không có hệ từ “là” mà điều kiện đòi hỏi ở đây là tính xác định. Những phát ngôn có tính xác định sẽ đứng làm tiền đề, căn cứ để người đọc dựa vào đó tìm ra lược ngữ. Và trong cấu trúc danh₁ là danh₂, rõ ràng hai danh từ này có sự khác nhau nghĩa là ngoài việc chỉ quan hệ đồng nhất giữa hai tập hợp còn có một chức năng quan trọng hơn mang tính ngữ pháp: nó có nhiệm vụ chỉ ra rằng danh₂ là định tố của danh₁, giải thích cho danh. Nói cách khác, danh₂ có giá trị thuyết minh cho danh₁. Chính vì thế mà khi điều kiện (khả năng kết hợp ngữ nghĩa cho phép) thì từ “là” trở nên không cần thiết nữa.

3. KẾT LUẬN

3.1. Trong quá trình tạo lập văn bản, hầu như ở ngôn ngữ nào cũng có hiện tượng tỉnh lược chủ ngữ. Có thể nói hiện tượng tỉnh lược trong phạm vi văn bản (diễn ngôn) là một hiện tượng cơ bản. Đặc biệt phương thức này được sử dụng nhiều trong các đoạn hội thoại của văn bản nghệ thuật. Phép tỉnh lược mạnh nói chung và tỉnh lược chủ ngữ nói riêng mà dạng thể hiện là các ngữ trực thuộc là cơ sở quan trọng để chúng tôi khảo sát 1.730 trang tác phẩm văn học nghệ thuật của năm tác giả văn học.

3.2. Cách thức thể hiện ngữ trực thuộc tỉnh lược được các tác giả sử dụng trong các văn bản văn học nghệ thuật là khác nhau. Mỗi tác giả có một cách thức thể hiện riêng (Nam Cao: 6,14% TLCN mà dạng thể hiện là tính từ, Nguyễn Công Hoan: 3,0% TLCN mà dạng thể hiện là tính từ, Nguyễn Huy Thiệp: 12,15% TLCN mà dạng thể hiện là động từ) để phản ánh nội dung và đặc biệt là tạo ra phong cách nghệ thuật cho chính mình. Do đó phép tỉnh lược chủ ngữ được xem là một phần trong cách sử dụng ngôn ngữ, biện pháp tu từ để hình thành phong

cách tác giả. Nam Cao, Vũ Trọng Phụng là hai tác giả sử dụng nhiều nhất, ba tác giả còn lại sử dụng tương đối ít.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1998), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, (tập hai: Ngữ dụng học), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Dân (1988), *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Trần Ngọc Thêm (1999, tái bản), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Phạm Văn Tình (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Brown, G. & G. Yule, *Discourse Analysis*, Cambridge University Press, 1983.
7. Chafe, W. (1976), “Givenness, Contrastiveness, Definiteness, Subjects, Topics, and Point of View”, in Charles Li (ed.), New York: Academic Press, 25- 55.
8. Chomsky, N.A. (1970), “Deep structure, Surface structure, and Semantic Interpretation” in Jakobson and Kawamoto, *Studies in General and Oriental Linguistics*, Tokyo: T.E.C. Corporation.
9. Dik, S.C., *Functional Grammar*, (third revised edition, 1981), Foris Publications.
10. Quirk, R. (1980), *A Grammar of Contemporary English*, Longman